

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS - PT  
Ngày : 08 - 4 - 2021  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Văn Tùng

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Mai H3 ;

Bà Vũ Thị Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị BI Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLPT-DS ngày 23-10-2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS – ST ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2021/QĐXX-PT ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh N , sinh năm 1974; Địa chỉ: số nhà 3, ngõ 148, đường K , phường L , TP ND, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Ông Lê Huy H , sinh năm 1978; Địa chỉ: số nhà 828/79, tổ 19, phường 11, đường 30/4, TP VT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Lê Thị I , sinh năm 1944; Địa chỉ: Xóm Q , xã H1 , huyện H , tỉnh Nam Định;

2. Bà Lê Thị BI , sinh năm 1972; Địa chỉ: Xóm L , xã H1 , huyện H , tỉnh Nam Định;

3. Bà Lê Thị H1 , sinh năm 1976; Địa chỉ: Đội 1, thôn Nh , xã K1 , huyện Đ , thành phố Hà Nội.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Huy H là bị đơn trong vụ án.

*Tại phiên tòa: Ông N có mặt; ông H, cụ I, bà BI, bà H1 vắng mặt có lý do.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2019, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Minh N trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Lê Văn R và cụ Lê Thị I kết hôn với nhau sinh được 04 người con gồm: bà Lê Thị BI, ông Lê Minh N, bà Lê Thị H1, Lê Huy H. Cụ Lê Văn R chết ngày 23-07-2019 không để lại di chúc. Cụ R và cụ I có tạo lập được khối tài sản chung gồm: thửa đất diện tích 805m<sup>2</sup> (trong đó: đất ở 150m<sup>2</sup>, đất vườn tạp 395 m<sup>2</sup>, đất ao nuôi cá 260 m<sup>2</sup>) tại thửa số 32, tờ bản đồ số 39 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 382408 đứng tên hộ cụ Lê Văn R. Trên đất có xây dựng được một nhà cấp 4, một bếp không còn giá trị sử dụng, xây một nhà tắm, một tường rào giá trị còn lại không lớn và có 02 thửa đất làm muối gồm: thửa số 30/3, tờ bản đồ 36, diện tích 697 m<sup>2</sup>; thửa 10/4, tờ bản đồ số 39, diện tích 840 m<sup>2</sup>, đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 224571 đứng tên hộ cụ Lê Văn R và cụ Lê Thị I tại xã H1.

Nay cụ I, ông N, bà BI và bà H1 có nguyện vọng chuyển đổi nhà đất cho cụ I vì cụ I sống một mình, các con của cụ I đều sinh sống ở xa, chỉ có bà BI là con gái lấy chồng cùng xã, hơn nữa nhà ở của cụ I và cụ R đã xuống cấp không còn sử dụng được, cụ I muốn chuyển đến ở vị trí mới gần nhà bà BI là để bà BI và các con thuận tiện việc chăm sóc cụ I. Ông N là con trưởng cũng mong muốn ông H sẽ cùng với anh chị em trong gia đình thống nhất bán nhà đất cũ đi cùng chuyển đến nơi ở mới thờ cúng bố và chăm sóc mẹ là cụ I. Nhưng ông H không nhất trí vì vậy ông Lê Minh N đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ R để lại theo quy định pháp luật.

\* Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Huy H trình bày thống nhất với các đương sự khác về quan hệ huyết thống và tài sản chung của cụ I, cụ R và nhất trí chia di sản thừa kế nhà đất của cụ R, nhất trí thỏa thuận về đất ruộng chia đều cho bốn anh em không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông H có nguyện vọng lấy lại phần nhà đất của gia đình với giá mà cụ I đưa ra là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) bán cho con nào mua và được sự đồng ý của các con. Vì không có tiền trả luôn nên xin mua nhà đất này và trong thời hạn 03 tháng sẽ thanh toán tiền cho cụ I và các anh chị khác theo giá trị kỷ phần được hưởng khi chia di sản thừa kế.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cụ Lê Thị I, bà Lê Thị BI, bà Lê Thị H1 và người bảo vệ quyền, lợi I hợp pháp cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày thống nhất lời khai của ông N ở trên về hàng thừa kế, tài sản chung của cụ I và cụ R và đều có nguyện vọng được chia di sản thừa kế của cụ R chết để lại và thỏa thuận thống nhất phân chia đất ruộng muối.

Quá trình tố tụng tại Tòa án ông N, bà BI, cụ I, bà H1 có ý kiến không đồng ý về việc ông H có nguyện vọng mua lại nhà đất của cụ I, cụ R: Lý do vì hiện nay nhà

đất của cụ I và cụ R đã xuống cấp, cụ I đang phải vay tiền để mua nhà đất khác cho cụ I ở. Cụ I ý kiến cụ đưa ra giá bán cho các con giá bán toàn bộ thổ đất này là 600.000.000đ cho con nào có nhu cầu mua, nhưng phải được sự đồng ý của tất cả các con còn lại, nếu các con không thống nhất đồng ý thì cụ I không bán nữa và đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng cho cụ và chia di sản thừa kế của cụ R theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự ông N, bà BI, cụ I, bà H1 có ý kiến ủy quyền cho ông N đều có ý kiến thống nhất khi chia thừa kế di sản của cụ R cắt chia cho ông H 100m<sup>2</sup> đất phần phía Bắc thổ, có chiều cạnh phía Đông và phía Tây rộng 5m; phía Bắc và phía Nam dài 20m; phần đất còn lại là 705m<sup>2</sup> cụ I, ông N, bà BI và bà H1 xin sở hữu chung theo phần.

\* Bản án sơ thẩm số 39/2020/DS – ST ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định: Căn cứ các Điều 611; 612; 613; 623; 650; 651; 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26; 184; 185; 288 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh N.

2. Xác nhận quyền sử dụng đất diện tích 805m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 39, thửa số 32 ở xã H1, huyện H là tài sản chung của cụ Lê Thị I và cụ Lê Văn R. Như vậy của cụ I  $805\text{m}^2 : 2 = 402,5\text{m}^2$ . Di sản thừa kế của Cụ R là 402,5m<sup>2</sup>.

3. Xác nhận giá trị di sản chia thừa kế của cụ Lê Văn R là 350.175.000đ

4. Xác định di sản thừa kế của cụ R cho mỗi xuất thừa kế là cụ Lê Thị I, ông Lê Minh N, bà Lê Thị BI, bà Lê Thị H1, ông Lê Huy H được hưởng là 70.035.000đ (bảy mươi triệu không trăm ba lăm nghìn đồng) tương đương 80,5m<sup>2</sup> đất.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của Cụ Lê Thị I và ông Lê Minh N, bà Lê Thị BI, bà Lê Thị H1 nhất trí cắt cho ông Lê Huy H 19,5m<sup>2</sup> đất.

6. Chia di sản bằng hiện vật:

- Chia ông Lê Huy H phần đất phía Bắc có tứ cận như sau: Cạnh phía đông giáp đường dọc xóm có chiều rộng 5m; cạnh phía nam giáp phần đất của các thừa kế còn lại là 20m; cạnh phía Tây giáp phần đất của các thừa kế còn lại là 5m; cạnh phía Bắc giáp hộ ông Th, hộ ông H2 dài 20m. Tổng diện tích 100m<sup>2</sup> (S1).

- Chia cho các ông Lê Minh N, bà Lê Thị BI, bà Lê Thị H1, cụ Lê Thị I được quyền sử dụng chung theo phần tổng diện tích 705m<sup>2</sup> (trong đó cụ I 477,9m<sup>2</sup>; ông N, bà BI, bà H1 mỗi người được hưởng là 75,7m<sup>2</sup>) ở phần đất phía Nam thổ. Có chiều cạnh như sau: Cạnh phía Tây giáp phần đất hộ bà Kim Thị H3 dài 23m; cạnh Phía Bắc dài 32,8m (trong đó giáp phần đất chia ông H 20m, giáp phần đất hộ bà H3 là 12,8m); Cạnh phía Nam giáp hộ ông V, ông S và ông L dài 34,5m; Cạnh phía Đông giáp đường dọc xóm dài 20m. Tổng diện tích 705m<sup>2</sup> (S2). (Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

\* Tại đơn kháng cáo ngày 20-7-2020 của ông Lê Huy H kháng cáo với nội dung, ông H muốn mua lại nhà đất đồng sở hữu và việc chia di sản của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa thỏa đáng.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lê Minh N giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của ông H, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Ông Lê Huy H đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng di sản của cụ Lê Văn R để lại là  $\frac{1}{2}$  tài sản chung với cụ Lê Thị I gồm: Thửa đất có diện tích  $805m^2$  (trong đó đất ở  $150m^2$ , đất vườn tạp  $395m^2$ , đất ao nuôi cá  $260m^2$ ) tại thửa số 32, tờ bản đồ số 39 xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định. Trên đất có các tài sản gồm một nhà cấp 4, một bếp không còn giá trị sử dụng, xây một nhà tắm, một tường rào giá trị còn lại không lớn. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chia cho ông Lê Huy H được quản lý, sử dụng diện tích  $100m^2$  là có cơ sở, đảm bảo đúng pháp luật. Vì vậy kháng cáo của ông H là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Huy H làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Cụ Lê Thị I, bà Lê Thị BI, bà Lê Thị H1 đã ủy quyền cho ông Lê Minh N tham gia giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông Lê Huy H đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt của cụ I, bà BI, bà H1, ông H tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy căn cứ

khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cụ I, bà BI, bà H1, ông H.

[3] Xét về nội dung kháng cáo của ông Lê Huy H đề nghị xem xét giải quyết những nội dung sau: Ông H muốn mua lại nhà đất đồng sở hữu và việc chia di sản của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa thỏa đáng thì thấy: Về di sản thừa kế, cho đến nay tất cả các đương sự trong vụ án đều trình bày cụ Lê Văn R và cụ Lê Thị I có tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất diện tích 805m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 150m<sup>2</sup>, đất vườn tạp 395 m<sup>2</sup>, đất ao nuôi cá 260 m<sup>2</sup>) tại thửa số 32, tờ bản đồ số 39 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 382408 đứng tên hộ cụ Lê Văn R. Trên đất có xây dựng được một nhà cấp 4, một bếp không còn giá trị sử dụng, xây một nhà tắm, một tường rào giá trị còn lại không lớn và 02 thửa đất làm muối thửa số 30/3, tờ bản đồ 36, diện tích 697 m<sup>2</sup>; thửa 10/4, tờ bản đồ số 39, diện tích 840 m<sup>2</sup>, được cấp GCN số CG224571 đứng tên cụ Lê Văn R và cụ Lê Thị I nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tổng giá trị tài sản được định giá ngày 25-02-2020 diện tích đất sử dụng thực tế là 805m<sup>2</sup> có giá 870.000/m<sup>2</sup> có tổng giá trị là 700.350.000đ. Giá công trình xây dựng trên đất là 16.500.000đ. Các đương sự đều yêu cầu chia 402,5m<sup>2</sup>; Mỗi suất là 402,5 : 5 = 80,5m<sup>2</sup> trị giá 70.035.000đ. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định di sản của cụ Lê Văn R là 1/2 trị giá số tài sản trên là chính xác. Sau khi cụ R chết, cụ I quản lý số tài sản này. Đối với các đồ dùng trong gia đình, hiện nay cụ I còn sống và sử dụng, giá trị không đáng kể, các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về diện và hàng thừa kế: Cụ R chết ngày 23-07-2019 không để lại di chúc. Theo tài liệu có trong hồ sơ và theo lời khai thống nhất của các đương sự. Cụ Lê Văn R và cụ Lê Thị I sinh được 4 người con: bà Lê Thị BI, ông Lê Minh N, bà Lê Thị H1, ông Lê Huy H. Ngoài ra, cụ R không có con nuôi, con ngoài giá thú, bố mẹ của cụ R đều chết trước cụ R. Như vậy, theo quy định tại Điều 613; Điều 651 BLDS 2015, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ R gồm 05 người cụ Lê Thị I, bà Lê Thị BI, ông Lê Minh N, bà Lê Thị H1 và ông Lê Huy H. Do đó di sản của cụ R sẽ được chia đều cho 5 kỷ phần.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về thời hiệu và thời điểm mở thừa kế: Cụ Lê Văn R sinh năm 1926 chết ngày 23-7-2019. Sau khi cụ R chết mới phát sinh tranh chấp và yêu cầu chia thừa kế khối di sản do cụ R để lại nên đây là sự kiện pháp lý làm phát sinh việc thừa kế di sản của cụ R theo pháp luật đối với phần tài sản của cụ R nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy xác định thời điểm mở thừa kế đối với khối di sản của cụ R là ngày 23-7-2019. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ R vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[6] Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản thừa bằng hiện vật là đất và có xem xét đến hiện trạng công trình xây dựng trên đất để đảm bảo không bị tháo dỡ

tài sản là phù hợp. Về kỹ phân thừa kế: Cụ Lê Thị I , bà Lê Thị BI , bà Lê Thị H1 , ông Lê Minh N , ông Lê Huy H thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ R nên mỗi suất được hưởng giá trị di sản thừa kế của cụ Lê Văn R là  $350.175.000đ : 5 = 70.035.000đ$ . Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều không có yêu cầu Tòa án chia giá trị công trình xây dựng trên đất có giá trị còn lại là 16.500.000đ mà đề nghị chia đất cho ai có công trình người đó được hưởng. Về ruộng nông nghiệp có hai thửa 1537m<sup>2</sup> trị giá 73.400.000đ các bên thống nhất chia làm bốn phần cho bốn chị em, cụ I già yếu không yêu cầu chia, lần lượt vị trí đất ruộng từ bắc qua nam chị BI , chị H1 , anh N , anh H các bên đương sự lần lượt sử dụng theo vị trí trên theo phần bằng nhau không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không cần đề cập giải quyết, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, không xem xét giải quyết về công trình xây dựng trên đất và đất ruộng nông nghiệp là hoàn toàn phù hợp.

[7] Phân chia di sản bằng hiện vật: Trong quá trình làm việc tại Tòa án cụ Lê Thị I có nguyện vọng được nhận di sản thừa kế và phần đất của cụ I được hưởng trong khối tài sản chung vợ chồng bằng hiện vật và ở phần đất phía Nam thổ đất cắt chiều Đông Tây giáp phần đất hộ ông Ngô Thế V , Bùi Văn S và Nguyễn Thanh L đang sử dụng, bà BI , bà H1 , ông N cùng có nguyện vọng xin nhận di sản thừa kế của cụ R để lại bằng hiện vật và cắt liền với phần đất của cụ I và xin sở hữu chung theo phần cùng cụ I và nhất trí ngoài kỹ phân đất chia theo pháp luật cho ông H được hưởng thừa kế của cụ R các đương sự tự nguyện, nhất trí cắt thêm cho ông H diện tích đất 19,5m<sup>2</sup> và cắt cho ông H ở phần đất phía Bắc thổ đất. Ông Lê Huy H có nguyện vọng xin nhận di sản thừa kế của cụ R để lại bằng hiện vật nếu các đương sự khác đồng ý ông xin mua lại toàn bộ thổ đất với giá 600.000.000đ và trả tiền sau 3 tháng. Các đương sự khác không nhất trí chuyển nhượng đất cho ông H , cụ I có ý kiến nếu các đương sự khác không nhất trí thì cụ cũng không đồng ý chuyển nhượng đất lại cho ông H mà đề nghị được chia bằng hiện vật. Xét nguyện vọng nhận di sản thừa kế bằng hiện vật của các đương sự thì thấy: Thổ đất này có diện tích lớn lại có mặt tiếp giáp với đường dung của xóm, chiều rộng mặt đường và chiều dài, đảm bảo tương xứng với một diện tích sử dụng làm nhà ở được để chia cho các bên cùng sử dụng là phù hợp với các Điều 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Các đương sự cụ I , bà BI , bà H1 , ông N xin sở hữu chung theo phần, đều đề nghị chia chung một khối với tổng diện tích 705m<sup>2</sup> (Trong đó có 100 m<sup>2</sup> đất ở, 345 m<sup>2</sup> đất vườn, 260 m<sup>2</sup> đất ao) ở phần đất phía Nam thổ để đảm bảo cho việc sử dụng đất được thuận lợi. Xét đề nghị này là hoàn toàn hợp tình, hợp lý phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chia cho cụ I , ông N , bà BI , bà H1 được sở hữu chung theo phần ở phần đất phía Nam thổ; phần đất còn lại 100m<sup>2</sup> (Trong đó có 50 m<sup>2</sup> đất ở, 50 m<sup>2</sup> đất vườn) được chia cho ông H ở vị trí phía bắc thổ đất. Cách phân chia như quyết định và sơ đồ phân chia đất của Tòa án cấp sơ thẩm như vậy là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

[8] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án

sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông H cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của ông H là không có căn cứ. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông H không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Xét cụ Lê Thị I hiện nay già yếu là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án cụ I được miễn án phí chia di sản thừa kế. Ông Lê Minh N, bà Lê Thị BI, bà Lê Thị H1, ông Lê Huy H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông H đã nộp đủ và nhận nộp toàn bộ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Lê Huy H không được chấp nhận nên ông H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng ông H đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số AA/2017/0002253 ngày 07-8-2020, ông H đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

[11] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Huy H. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 611; 612; 613; 623; 649; 650; 651; 660; 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 26; 184; 185 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 13; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án :

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh N .
2. Xác nhận quyền sử dụng đất diện tích 805m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 39, thửa số 32 ở xã H1, huyện H là tài sản chung của cụ Lê Thị I và cụ Lê Văn R. Như vậy của cụ I  $805\text{m}^2 : 2 = 402,5\text{m}^2$ . Di sản thừa kế của Cụ R là 402,5m<sup>2</sup>.

3. Xác nhận giá trị di sản chia thừa kế của cụ Lê Văn R là 350.175.000đ

4. Xác định di sản thừa kế của cụ R cho mỗi xuất thừa kế là cụ Lê Thị I , ông Lê Minh N , bà Lê Thị BI , bà Lê Thị H1 , ông Lê Huy H được hưởng là 70.035.000đ (bảy mươi triệu không trăm ba lăm nghìn đồng) tương đương 80,5m<sup>2</sup> đất.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của Cụ Lê Thị I và ông Lê Minh N , bà Lê Thị BI , bà Lê Thị H1 nhất trí cắt cho ông Lê Huy H 19,5m<sup>2</sup> đất.

6. Chia di sản bằng hiện vật:

- Chia ông Lê Huy H phần đất phía Bắc có tứ cận như sau: Cạnh phía đông giáp đường dong xóm có chiều rộng 5m; cạnh phía nam giáp phần đất của các thừa kế còn lại là 20m; cạnh phía Tây giáp phần đất của các thừa kế còn lại là 5m; cạnh phía Bắc giáp hộ ông Th , hộ ông H2 dài 20m. Tổng diện tích 100m<sup>2</sup> (Trong đó có 50 m<sup>2</sup> đất ở, 50 m<sup>2</sup> đất vườn) (S1).

- Chia cho các ông Lê Minh N , bà Lê Thị BI , bà Lê Thị H1 , cụ Lê Thị I được quyền sử dụng chung theo phần tổng diện tích 705m<sup>2</sup> (trong đó cụ I 477,9m<sup>2</sup>; ông N , bà BI , bà H1 mỗi người được hưởng là 75,7m<sup>2</sup>) ở phần đất phía Nam thổ. Có tứ cận như sau: Cạnh phía Tây giáp phần đất hộ bà Kim Thị H3 dài 23m; cạnh Phía Bắc dài 32,8m (trong đó giáp phần đất chia ông H 20m, giáp phần đất hộ bà H3 là 12,8m); Cạnh phía Nam giáp hộ ông V , ông S và ông L dài 34,5m; Cạnh phía Đông giáp đường dong xóm dài 20m. Tổng diện tích 705m<sup>2</sup> (Trong đó có 100 m<sup>2</sup> đất ở, 345 m<sup>2</sup> đất vườn, 260 m<sup>2</sup> đất ao) (S2). (Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Lê Thị I .

- Ông Lê Minh N phải nộp 3.289.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2000.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/ 2017/0001943 ngày 03-01-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H . Đối trừ nghĩa vụ ông Lê Minh N còn phải nộp 1.289.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị BI , bà Lê Thị H1 mỗi người phải nộp 3.289.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Huy H phải nộp 4.350.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Huy H phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0002253 ngày 07-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H , tỉnh Nam Định. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.



Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện H ;
- TAND huyện H ;
- Chi cục THADS huyện H ;
- L HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Văn Tùng**

